

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU PHÚ
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 203/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 27 - 4 - 2021

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU PHÚ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Linh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hoàng Tuấn.
2. Ông Nguyễn Ng Bờ.

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Thanh Châu - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Phú.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Văn Thành – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 4 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 582/2020/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 11 năm 2020 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 100/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 3 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số: 60/2021/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1987; địa chỉ cư trú: Ấp LT, xã OLV, huyện CP, tỉnh AG (có mặt)

2. *Bị đơn:* Ông Lê Tấn H, sinh năm 1986; địa chỉ cư trú: Ấp LT, xã OLV, huyện CP, tỉnh AG (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 12/10/2020, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bà Nguyễn Thị Th trình bày:

- Về hôn nhân: Bà Th và ông H tự nguyện tiến tới hôn nhân vào năm 2012, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã MP ngày 08/02/2012. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, về sau phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng đã nhiều lần tìm cách hàn gắn tình cảm nhưng

mâu thuẫn vẫn diễn ra và ngày càng trầm trọng nên đã ly thân từ tháng 05/2020 cho đến nay. Nay bà Th yêu cầu giải quyết cho ly hôn với ông H.

- Về con chung: Bà Th và ông H có 01 con chung tên Lê Thị Bích Ng, sinh ngày 07/01/2013, đang do bà Th trực tiếp nuôi dưỡng. Bà Th yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 4.000.000 đồng cho đến khi con đã thành niên và có khả năng lao động được.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Bản tự khai ngày 24/11/2020, ông Lê Tấn H trình bày:

- Về hôn nhân: Ông H và bà Th bắt đầu chung sống với nhau từ năm 2012, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã MP. Trong cuộc sống vợ chồng tình cảm vẫn bình thường, hạnh phúc. Bản thân ông H lao động chăm chỉ để kiếm tiền nuôi vợ con, nhưng vợ chồng cũng có lúc cãi vã và cũng nói chuyện, đối xử với nhau rất bình thường nên ông H không đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Nếu bà Th cương quyết ly hôn thì ông H đồng ý để bà Th nuôi dưỡng con chung tên Lê Thị Bích Ng, sinh ngày 07/01/2013. Do ông H đi làm mướn ở xa nên sẽ không cấp dưỡng nuôi con mà tùy thuộc vào khả năng, ông H sẽ hỗ trợ nuôi con.

- Về tài sản chung: Có căn nhà bằng gỗ tạp do vợ chồng tạo trị giá 40.000.000 đồng và 02 chiếc xe máy trị giá 40.000.000 đồng, xin chia theo luật định.

- Về nợ chung: Không có.

Quá trình giải quyết vụ án, ông H vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Tòa án đã thông báo yêu cầu ông H làm thủ tục nộp đơn yêu cầu chia tài sản khi ly hôn và cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án nhưng ông H không thực hiện trong thời hạn do Tòa án ấn định.

Tại phiên tòa,

Bà Nguyễn Thị Th giữ nguyên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn; yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Lê Thị Bích Ng; yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật, với mức cấp dưỡng 745.000 đồng/con/tháng cho đến khi con đã thành niên và có khả năng lao động được; không yêu cầu giải quyết về tài sản chung và nợ chung.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án:

- Về hôn nhân: Đề nghị chấp nhận cho bà Th ly hôn với ông H.
- Về con chung: Đề nghị giao con chung tên Lê Thị Bích Ng, sinh ngày 07/01/2013 cho bà Th trực tiếp nuôi dưỡng. Ông H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung tên Lê Thị Bích Ng với mức cấp dưỡng 745.000 đồng/tháng, cho đến khi con đã thành niên và có khả năng lao động được.
- Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Tranh chấp giữa các đương sự về việc ly hôn, bị đơn cư trú tại huyện Châu Phú, tỉnh An Giang nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Phú theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai mà không có lý do, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

[2.1] Bà Th và ông H tự nguyện tiến tới hôn nhân vào năm 2012, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã MP ngày 08/02/2012, nên hôn nhân được pháp luật công nhận, làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng theo Luật hôn nhân và gia đình. Quá trình chung sống, bà Th và ông H có phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, đời sống chung không hòa hợp nên vợ chồng đã ly thân từ khoảng tháng 05/2020 cho đến nay. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án có tiến hành hòa giải để ghi nhận ý kiến, tạo điều kiện cho vợ chồng đoàn tụ nhưng ông H vắng mặt nên việc hòa giải đoàn tụ không thành; cho đến nay vợ chồng vẫn không thể tự hàn gắn tình cảm và vẫn sống ly thân nhau.

[2.2] Xét thấy, vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; có nghĩa vụ sống chung với nhau. Tuy nhiên, giữa bà Th và ông H đã không thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà Th ly hôn với ông H theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung:

[3.1] Bà Th và ông H có 01 con chung tên Lê Thị Bích Ng, sinh ngày 07/01/2013, đang do bà Th trực tiếp nuôi dưỡng, bà Th có yêu cầu tiếp tục nuôi

dưỡng con chung. Xét, từ khi vợ chồng ly thân đến nay, bà Th là người trực tiếp nuôi con, ông H có ý kiến đồng ý để bà Th trực tiếp nuôi con do ông H phải đi làm xa. Cháu Lê Thị Bích Ng đang học tiểu học tại xã OLV và có nguyện vọng được chung sống với mẹ (bà Th). Do đó, để tạo điều kiện cho cháu Ng ổn định về tâm lý, chỗ ở, học tập và sự phát triển bình thường của cháu, Hội đồng xét xử chấp nhận giao cháu Ng cho bà Th trực tiếp nuôi dưỡng.

[3.2] Bà Th cùng các thành viên gia đình không được cản trở ông H trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ, người thân thích của con hoặc cơ quan, tổ chức có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

[4] Về cấp dưỡng: Bà Th yêu cầu ông H cấp dưỡng cho con với mức cấp dưỡng 745.000 đồng/tháng, cho đến khi cháu Ng đã thành niên và có khả năng lao động được. Ông H có ý kiến không nhận trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con mà sẽ hỗ trợ nuôi con theo khả năng. Xét thấy, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của bà Th là phù hợp quy định pháp luật; ông H là người không trực tiếp nuôi con nên phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con theo quy định tại khoản 2 Điều 82, Điều 110, khoản 1 Điều 118 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Do đó, Hội đồng xét xử buộc ông H phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chung tên Lê Thị Bích Ng với mức cấp dưỡng 745.000 đồng/tháng, phương thức cấp dưỡng hàng tháng, cho đến khi cháu Ng đã thành niên và có khả năng lao động được.

[5] Về tài sản chung: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thông báo yêu cầu ông H làm thủ tục nộp đơn yêu cầu chia tài sản khi ly hôn và cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án nhưng ông H không thực hiện trong thời hạn do Tòa án ấn định. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết về tài sản chung. Trường hợp ông H có tranh chấp về tài sản chung thì có quyền khởi kiện để yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án khác.

[6] Về nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét; trường hợp có tranh chấp sẽ được giải quyết trong vụ án khác.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Th phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp. Ông H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 228, Điều 266, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 11 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 19, Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 110, Điều 116, Điều 117, khoản 1 Điều 118 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 5 và khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho bà Nguyễn Thị Th ly hôn với ông Lê Tấn H.

2. Về con chung:

- Bà Nguyễn Thị Th được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Lê Thị Bích Ng, sinh ngày 07/01/2013.

- Ông Lê Tấn H có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chung tên Lê Thị Bích Ng với mức cấp dưỡng 745.000 đồng/tháng (Bảy trăm bốn mươi lăm nghìn đồng trên tháng), phương thức cấp dưỡng hàng tháng, cho đến khi con chung tên Lê Thị Bích Ng đã thành niên và có khả năng lao động được.

- Bà Nguyễn Thị Th cùng các thành viên gia đình không được cản trở ông Lê Tấn H trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ, người thân thích của con hoặc cơ quan, tổ chức có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Trường hợp có tranh chấp sẽ được giải quyết trong vụ án khác.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Nguyễn Thị Th phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí bà Th đã nộp theo biên lai thu số 0003817 ngày 02 tháng 11 năm 2020 của Chi cục Th hành án dân sự huyện Châu Phú, tỉnh An Giang.

- Ông Lê Tấn H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc cấp dưỡng nuôi con.

5. Về quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị Th có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Lê Tấn H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án được Th hành theo quy định tại Điều 2 Luật Th hành án dân sự thì người được Th hành án dân sự, người phải Th hành án dân sự có quyền thỏa thuận Th hành án, quyền yêu cầu Th hành án, tự nguyện Th hành

án hoặc bị cưỡng chế Th hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Th hành án dân sự; thời hiệu Th hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Th hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Châu Phú;
- CCTHADS huyện Châu Phú;
- UBND xã MP
(khi có hiệu lực);
- Lưu hồ sơ vụ án, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Duy Linh